

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2019/DS-ST

Ngày 20-11-2019

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 và ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 182/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 857/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, Về việc tranh chấp đòi lại tài sản, giữa:

1. Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân (UBND) xã A thành phố C, tỉnh Cà Mau (gọi tắt là Ủy ban); địa chỉ: Xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị N T, sinh năm 1981 - Phó chủ tịch UBND xã An Xuyên, thành phố C (có mặt).

Ông Nguyễn V N, sinh năm 1985 - Công chức Tư pháp hộ tịch xã A, thành phố C (có mặt).

Ông Kim V Ng, sinh năm 1977 - Công chức địa chính xây dựng xã A thành Phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Lê Tấn M - sinh năm 1936; địa chỉ: Số 260/4, đường Nguyễn Trãi, khóm 3, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị P - sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của ông M và bà P là ông Lê Hoàng H - sinh năm 1980; địa chỉ: Số 260/4, đường Nguyễn Trãi, khóm 5, phường 9, thành phố C tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ph; địa chỉ: Số 260/4, đường Nguyễn Trãi, xóm 5, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn V N trình bày:

Năm 2007, ông Lê Tấn M và bà Lê Thị P khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đền bù cho ông M và bà P tiền thu hồi đất do Ủy ban lấn chiếm để xây dựng trụ sở. Cụ thể ông M yêu cầu bồi thường diện tích $1.800\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 900.000.000$ đồng. Bà P yêu cầu bồi thường diện tích $874\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 437.000.000$ đồng.

UBND xã A không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông M và bà P, bởi phần đất mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường là của Ủy ban nhân dân xã A và đã được UBND tỉnh Minh Hải (nay UBND tỉnh Cà Mau) cấp chứng nhận QSD đất vào ngày 08/5/1995, theo thửa số 03, diện tích 1.500m^2 .

Tại bản án số 32/2009/DS-ST, ngày 16/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C đã tuyên bố: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Tấn M và bà Lê Thị P kiện đòi Ủy ban nhân dân xã A bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Tấn M với số tiền 900.000.000 đồng và bà Lê Thị P với số tiền 437.000.000 đồng.

Tại bản án phúc thẩm số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên buộc Ủy ban nhân dân xã A bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông M số tiền 303.660.000 đồng, cho bà Lê Thị P số tiền 219.150.000 đồng và buộc Ủy ban phải đóng án phí số tiền là 21.684.300 đồng.

Ủy ban nhân dân xã A đã bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông M, bà P và đóng án phí theo như bản án phúc thẩm đã tuyên. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã A tiếp tục làm đơn yêu cầu giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tại bản án giám đốc thẩm số 614/DS- GĐT, của Tòa án nhân dân tối cao tuyên hủy bản án số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và bản án số 32/2009/DS-ST, ngày 16/03/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại.

Sau khi án chuyển về Tòa án nhân dân thành phố C thì ông M và bà P rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố C đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 109/2014/QĐST-DS ngày 08/12/2014.

Căn cứ vào bản án giám đốc thẩm số 614/DS- GĐT của Tòa án nhân dân tối cao. Ủy ban nhân dân xã A yêu cầu bà Lê Thị P trả lại cho Ủy ban số tiền 219.150.000 đồng. Yêu cầu ông Lê Tấn M trả lại cho Ủy ban số tiền 178.000.000 đồng và yêu cầu bà P trả cho Ủy ban số tiền án phí 9.000.000 đồng, ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà P trả cho Ủy ban số tiền án phí 9.000.000 đồng.

Theo kết quả đo đạc, thẩm định của án sơ thẩm số 32/2009/DS-ST, ngày 16/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C thể hiện: Ông M đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 9750,4m², thiếu 1249,6m². Bà P đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 8.584m², thừa 784m² và Ủy ban xã A đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 3969,5m², thừa 2469,5m². Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định trên. Hiện tại nguyên đơn vẫn đang quản lý sử dụng phần đất này, không có gì thay đổi. Nguyên đơn không yêu cầu đo đạc, xem xét, thẩm định lại và không yêu cầu định giá tài sản.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N T trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn V N, không bổ sung gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim V Ng trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn V N, không bổ sung gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ngày 14/7/1993, ông Lê Tấn M được UBND Thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ số 10, thửa số 158A, diện tích 11.000m², loại đất mùa (nông nghiệp).

Ngày 14/7/1993, bà Lê Thị P được UBND Thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ số 10, thửa số 268, diện tích 9.930m² và thửa số 121A, diện tích 7.800m².

Năm 2007, ông Lê Tấn M và bà Lê Thị P có khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đền bù cho ông M và bà P tiền thu hồi đất do Ủy ban lấn chiếm để xây dựng trụ sở. Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 109/2014/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố C giống như lời trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn thống nhất với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C, không thống nhất với bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và bản án giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, nhưng bị đơn không có yêu cầu, khiếu nại.

Theo kết quả đo đạc, thẩm định của án sơ thẩm số 32/2009/DS-ST, ngày 16/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thể hiện: Ông M đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 9750,4m², thiếu 1249,6m². Bà P đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 8.584m², thừa 784m² và Ủy ban xã A đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 3969,5m², thừa 2469,5m². Bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc, thẩm định trên. Hiện tại bị đơn vẫn đang quản lý sử dụng phần đất này, không có gì thay đổi. Bị đơn không yêu cầu đo đạc, xem xét, thẩm định lại, không yêu cầu thẩm định giá tài sản và không yêu cầu phản tố.

Hiện ông M đã nhận của Ủy ban nhân dân xã A số tiền 303.660.000 đồng và bà P đã nhận số tiền 219.150.000 đồng.

Nay bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân xã A về việc buộc bà Lê Thị P trả lại cho Ủy ban số tiền 219.150.000 đồng và ông Lê Tấn M trả lại cho Ủy ban số tiền 178.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Từ trước đến nay bà Ph không có tham gia bất kỳ phiên tòa nào trong vụ án tranh chấp giữa ông M, bà P và Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Bà Ph không có liên quan gì đến vụ án, mọi vấn đề bà Ph để ông M quyết định. Do đó bà Ph xin vắng mặt trong vụ án.

Tại bản án số 32/2009/DS-ST, ngày 16/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C đã tuyên bố: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Tấn M và bà Lê Thị P kiện đòi Ủy ban nhân dân xã A bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Tấn M với số tiền 900.000.000 đồng và bà Lê Thị P với số tiền 437.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/3/2009 ông M, bà P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án phúc thẩm số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên buộc Ủy ban nhân dân xã A bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho Lê Tấn ông M số tiền 303.660.000 đồng, bồi hoàn cho bà Lê Thị P số tiền 219.150.000 đồng và buộc Ủy ban phải đóng án phí số tiền là 21.684.300 đồng.

Ủy ban nhân dân xã A thi hành theo bản án phúc thẩm, đồng thời làm đơn yêu cầu giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tại bản án giám đốc thẩm số 614/DS- GĐT, của Tòa án nhân dân tối cao tuyên hủy bản án số 305/2019/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và bản án số 32/2019/DS-ST, ngày 16/03/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý lại vụ án, ông Lê Tấn M và bà Lê Thị P rút đơn khởi kiện.

Tòa án nhân dân thành phố C ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 109/2014/QĐST-DS, ngày 08/12/2014.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bà Lê Thị P trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền 219.150.000 đồng. Buộc ông Lê Tấn M trả lại cho nguyên đơn số tiền 303.660.000 đồng, tuy nhiên được trừ số tiền chênh lệch là: $45.000\text{đồng/m}^2 \times 5 \text{ lần} \times 1249,6\text{m}^2 = 281.160.000 \text{ đồng}$. Ông M trả lại cho nguyên đơn số tiền 22.500.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà P trả lại cho nguyên đơn số tiền án phí 9.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Ph.

[2] Các đương sự thống nhất xác định:

Ngày 14/7/1993, ông Lê Tấn M được UBND Thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ số 10, thửa số 158A, diện tích 11.000m², loại đất mùa (nông nghiệp).

Ngày 14/7/1993, bà Lê Thị P được UBND Thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ số 10, thửa số 268, diện tích 9.930m² và thửa số 121A, diện tích 7.800m².

Ngày 08/5/1995, Ủy ban nhân dân xã A thành phố C, tỉnh Cà Mau được UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo thửa số 03, diện tích 1.500m².

Theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ của án sơ thẩm số 32/2009/DS-ST, ngày 16/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố C thể hiện: Ông M đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 9750,4m², thiếu 1249,6m². Bà P đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 8.584m², thừa 784m² và Ủy ban xã A đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 3969,5m², thừa 2469,5m². Các bên thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định trên. Hiện các bên vẫn đang quản lý sử dụng phần đất này, không có gì thay đổi. Các đương sự không ai yêu cầu đo đạc, xem xét, thẩm định lại và không yêu cầu thẩm định giá tài sản.

Hiện Ủy ban nhân dân xã A thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông M số tiền 303.660.000 đồng, bồi hoàn cho bà P số tiền 219.150.000 đồng.

Các đương sự thống nhất với giá trị bồi hoàn quyền sử dụng đất đối với loại đất mùa (nông nghiệp) là 45.000 đồng/m² x 5 lần, còn đối với đất thổ cư là 300.000 đồng/m² (theo bản án phúc thẩm).

[3] Trên đây là các chứng cứ được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn là Ủy ban nhân dân xã A thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xác định chỉ yêu cầu bà Lê Thị P trả lại cho nguyên đơn số tiền 219.150.000 đồng và yêu cầu ông Lê Tấn M trả lại cho nguyên đơn số tiền 178.000.000 đồng. Rút yêu cầu về việc buộc bà P trả lại cho nguyên đơn số tiền án phí 9.000.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Hội đồng xét xử thấy:

[5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông M, bà P có trách nhiệm trả lại tiền nên HĐXX chỉ xem xét buộc ông M, bà P là người có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là phù hợp.

[6] Thứ nhất: Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Thị P trả lại cho nguyên đơn số tiền 219.150.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy là có cơ sở chấp nhận, bởi phần đất thực tế bà P đang quản lý, sử dụng nhiều hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau không có lần chiếm đất của bà P để xây dựng trụ sở nên không có nghĩa vụ bồi hoàn cho bà P giá trị quyền sử dụng đất. Hiện bà P đã nhận của Ủy ban nhân dân xã A số tiền 219.150.000 đồng, nên cần buộc bà P trả lại cho Ủy ban số tiền này.

[7] Thứ hai: Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Tấn M trả lại cho nguyên đơn số tiền 178.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 14/7/1993, ông Lê Tấn M được UBND Thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ số 10, thửa số 158A, diện tích 11.000m², loại đất mùa (nông nghiệp). Hiện tại ông M đang quản lý, sử dụng phần đất thực tế là 9750,4m², ít hơn so với Giấy chứng nhận được cấp là 1249,6m², điều này cũng được nguyên đơn thừa nhận, đồng thời nguyên đơn cũng đồng ý bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông M phần đất diện tích 1249,6m².

Tại phiên tòa các bên thống nhất với giá trị bồi hoàn theo bản án phúc thẩm số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với loại đất mùa là 45.000 đồng/m² x 5 lần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục áp dụng mức giá bồi thường trên để giải quyết vụ án. Ủy ban xã A lấn chiếm của ông M phần đất diện tích 1249,6m², loại đất mùa nên có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông M số tiền: 45.000đồng/m² x 5 lần x 1249,6m² = 281.160.000 đồng. Hiện ông M đã nhận của Ủy ban số tiền 303.660.000 đồng, nên cần buộc ông M trả lại cho nguyên đơn số tiền chênh lệch thừa là 22.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 155.500.000 đồng (178.000.000 đồng - 22.500.000 đồng).

[8] Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà P trả lại cho nguyên đơn số tiền 219.150.000 đồng và buộc ông M trả lại cho nguyên đơn số tiền chênh lệch thừa, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[9] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà P trả lại cho nguyên đơn số tiền án phí 9.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[10] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau về việc:

1/ Buộc bà Lê Thị P trả cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau số tiền 219.150.000 đồng (hai trăm mười chín triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Tấn M trả cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau số tiền 22.500.000 đồng. Không chấp nhận số tiền 155.500.000 đồng (178.000.000 đồng - 22.500.000 đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà P trả lại cho nguyên đơn số tiền án phí 9.000.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án phải trả thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm Ủy ban nhân dân xã A thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau không phải chịu. Ngày 16/5/2019, ủy ban có nộp tạm ứng án phí số tiền 10.157.000 đồng, theo Biên lai thu số 0000133 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

Ủy ban nhân dân xã A thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được nhận lại số tiền án phí đã nộp theo bản án phúc thẩm số 305/2009/DS-PT, ngày 09/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị P phải chịu 10.957.000 đồng (chưa nộp).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Tấn M phải chịu 1.125.000 đồng (chưa nộp).

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

